**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HB**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2018
*V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Lê Thị Nam.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Huỳnh Tài Em.
2. Ông Nguyễn Văn Miên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu*** *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXX- ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1970 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp 15A, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.
* Bị đơn: Anh **Lê Lâm T**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 15A, xã VMA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:* Chị và anh Lê Lâm T xây dựng hôn nhân vào cuối năm 1987, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên là tên Lê Thị Hồng T, sinh năm 1989, Lê Thị Hồng C, sinh năm 1995 đã thành niên và sống tự lập. Vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh T là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm; anh T thường xuyên tham gia đánh bạc

bằng hình thức "Đá gà", không quan tâm, chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện tại chị không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân chị và anh T không tìm nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự sống riêng.

Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Lâm T; về con chung đã thành niên; tài sản chung không có và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

*Về phía bị đơn là anh Lê Lâm T trình bày (Biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2018):* Anh thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị V là đúng. Do vợ chồng anh bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc; vợ chồng anh cũng đã sống ly thân khoảng khoảng hơn 01 năm nay. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V; về con chung đã thành niên; tài sản chung không có và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị V và anh Lê Lâm T là vợ chồng, về con chung đã thành niên, tài sản chung không có và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V và bị đơn là anh Lê Lâm T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Lâm T vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Lâm T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống chị V và anh T không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau mà thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện pháp để

khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng thể hiện qua việc chị V và anh T đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, đồng thời anh T cũng đồng ý ly hôn với chị V; điều này cho thấy hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, chị V và anh T tự nguyện sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị V và anh T là không hợp pháp nên không công nhận chị V và anh T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị V và anh T thống nhất xác định con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh T thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị V và anh Lê Lâm T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014328 ngày 05/7/2018 của C cục thi hành án dân sự huyện HB, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, chị V có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện HB;
- C cục THADS huyện HB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Nam**